

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HN- ST

Ngày 20/4/2022

V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mai Thị Nhắc

Bà Đoàn Lệ Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày **20** tháng **4** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2022/TLST-HN ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61A/2022/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2022 giữa:

**\* Nguyên đơn:** Ngô Thị Q, sinh 1993 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Trú tại:* Ấp An H, xã Bình K, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**\* Bị đơn:**

Huỳnh Hữu P, sinh 1993 (vắng mặt không có lý do)

*Trú tại:* Ấp An H, xã Bình K, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Q trình bày:*

Vào năm 2018 chị và anh P đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Khánh Tây (nay là xã Bình Khánh), huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị Q xin ly hôn với anh P.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Tuyết Mai, sinh ngày 15/7/2019, con hiện đang sống chung với chị Q. Nay chị xin nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Huỳnh Hữu P vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận việc xin nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn, giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, buộc bị đơn anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Mai tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### **\* Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về Q khởi kiện: Chị Q cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Q có Q khởi kiện.

[2] Về thẩm Q giải quyết: Đối với yêu cầu của chị Q là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

***\* Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị Q, anh P kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm Q, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh P đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh P không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị Q. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp.

[2] Về con chung: Quá trình khởi kiện chị Q xin được nuôi cháu Huỳnh Thị Tuyết Mai, sinh ngày 15/7/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Mai hiện nay đang sống chung với chị Q, đã thích nghi với việc chăm sóc, nuôi dưỡng của chị Q, hiện tại cháu Mai chưa tròn 36 tháng tuổi, nên chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu Mai cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con chị Q yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng, do chị Q không chứng minh được thu nhập thực tế ổn định của anh P, nên chỉ xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp..

[3] Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Chị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Q. Chị Ngô Thị Q được ly hôn với anh Huỳnh Hữu P.

Về con chung: Chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh Thị Tuyết Mai, sinh ngày 15/7/2019, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Mai tròn 18 tuổi. Thời hạn bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/4/2022)

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có Q và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có Q đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được Q ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị Q, anh P được Q yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

*Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Q chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005674 ngày 11/02/2022 là đủ. Anh P chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã An Định (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký